

BAN KIỂM SOÁT



Danh sách Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng BKS	02	100%	
2	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	02	100%	
3	Trần Văn Khoát	Thành viên BKS	02	100%	



Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh luôn có sự phối hợp trong hoạt động. Cụ thể như sau:

- ❖ Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng với sự phối hợp các phòng Ban Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tham gia giám sát công tác điều hành Công ty, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản, công tác quản lý tài chính kế toán của Công ty và việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.

- ❖ Thông qua kết quả kiểm tra, giám sát. Ban kiểm soát góp ý, đề xuất các kiến nghị. Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty đều xem xét, phúc đáp đầy đủ. Nhìn chung, trong năm 2017 công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành được thực hiện và tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật và phù hợp với điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Lương & phụ cấp	Thưởng	Cộng	Vay của Công ty
I Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Văn Bình	84.000.000	35.000.000	119.000.000	0
2	Lê Văn Thới	615.688.500	27.000.000	642.688.500	0
3	Lê Văn Anh	498.400.000	27.000.000	525.400.000	3.500.000
5	Đào Quý Tính	60.000.000	27.000.000	87.000.000	0
6	Nguyễn Quang Minh	536.625.000	27.000.000	563.625.000	0
II Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Thanh Tâm	48.000.000	18.000.000	66.000.000	0
2	Trần Văn Khoát	48.000.000	18.000.000	66.000.000	0
3	Nguyễn Thị Hồng Châu	223.090.000	27.000.000	250.090.000	0
III Ban điều hành					
1	Nguyễn Văn Hòa	488.358.700	18.000.000	506.358.700	47.000.000



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn/người có liên quan

Ông Nguyễn Văn Bình đăng ký mua 20.000 Cổ phiếu của Công ty.



Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

❖ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 – 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	25/04/2013	
Ông Lê Văn Thới	Thành viên	25/04/2013	
Ông Lê Văn Anh	Thành viên	25/04/2013	
Ông Đào Quý Tính	Thành viên	25/04/2013	
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	28/04/2016	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	28/04/2016	
Ông Trần Văn Khoát	Thành viên	25/04/2013	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	28/04/2016	
<u>Ban Giám đốc</u>			
Ông Lê Văn Thới	Giám đốc	01/05/2014	
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	01/05/2014	
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc	01/05/2014	
Ông Lê Văn Anh	Kế toán trưởng	01/05/2014	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Lê Văn Thới, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc




LÊ VĂN THÔI - Giám đốc
Tỉnh Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2018

5
3
C
M
E
/



Số : 0013/2018/BCTC-KTV

02 Huynh Khuong Ninh Street
District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84-28) 39105401
Fax: (84-28) 39105402

Email: vietland@vietlandaudit.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh, được lập ngày 06 tháng 02 năm 2018, từ trang 6 đến trang 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THẾ HOÀNG – Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1

PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2698-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

03
TY
H
T
VIỆ
H

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.123.351.356	16.977.878.845
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.131.927.342	10.367.453.532
1 . Tiền	111		4.331.927.342	3.192.964.611
2 . Các khoản tương đương tiền	112		8.800.000.000	7.174.488.921
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.530.668.415	4.781.364.359
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.805.601.404	4.290.324.043
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	303.392.800	177.283.062
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	421.674.211	341.210.254
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	-	(27.453.000)
IV . Hàng tồn kho	140	V.6	2.460.755.599	1.829.060.954
Hàng tồn kho	141		2.460.755.599	1.829.060.954
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.592.296.149	25.086.491.326
I . Các khoản phải thu dài hạn	210	V.15	-	-
II . Tài sản cố định	220		26.355.200.057	24.635.850.910
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	26.287.366.732	24.557.017.581
<i>Nguyên giá</i>	222		45.950.811.258	42.596.216.613
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.663.444.526)	(18.039.199.032)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.8	67.833.325	78.833.329
<i>Nguyên giá</i>	228		110.000.000	110.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(42.166.675)	(31.166.671)
III . Bất động sản đầu tư	230	V.9	1.075.917.749	-
<i>Nguyên giá</i>	231		1.269.760.507	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(193.842.758)	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	235.711.554	161.233.843
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		235.711.554	161.233.843
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI . Tài sản dài hạn khác	260		925.466.789	289.406.573
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	925.466.789	289.406.573
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		49.715.647.505	42.064.370.171

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.851.196.016	4.111.124.247
I. Nợ ngắn hạn	310		8.851.196.016	4.111.124.247
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.063.513.555	443.051.111
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	771.427.200	263.914.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.522.940.653	906.357.963
4. Phải trả người lao động	314		1.623.648.471	2.028.081.687
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	131.177.093	140.908.504
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	738.489.044	328.810.982
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.864.451.489	37.953.245.924
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	40.751.541.942	37.865.952.078
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>25.000.000.000</i>	<i>25.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.464.672	85.464.672
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.812.357.619	6.326.288.832
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.853.719.651	6.454.198.574
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>6.853.719.651</i>	<i>6.454.198.574</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		112.909.547	87.293.846
Nguồn kinh phí	431		112.909.547	87.293.846
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		49.715.647.505	42.064.370.171

Tỉnh Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2018



LÊ VĂN THỚI
Giám đốc

LÊ VĂN ANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	43.777.762.048	33.353.645.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	489.960	3.330.157
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		43.777.272.088	33.350.315.142
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	24.073.544.316	15.594.549.617
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.703.727.772	17.755.765.525
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	356.462.682	316.732.277
7. Chi phí tài chính	22	V.1	-	3.611.844
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	3.611.844
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	3.444.803.432	3.167.641.379
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	7.812.195.537	6.800.008.956
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.803.191.485	8.101.235.623
11. Thu nhập khác	31		168.471.234	3.016.811
12. Chi phí khác	32		363.663.626	2.254.216
13. Lợi nhuận khác	40	VI.8	(195.192.392)	762.595
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.607.999.093	8.101.998.218
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.754.279.442	1.647.799.644
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.853.719.651	6.454.198.574
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	2.330	2.194
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	2.330	2.194

Tỉnh Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2018




LÊ VĂN ANH
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
I . Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 . Lợi nhuận trước thuế	01		8.607.999.093	8.101.998.218
2 . Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.205.652.524	1.957.402.936
- Các khoản dự phòng	03		(27.453.000)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(142.017.628)	(316.732.277)
- Chi phí lãi vay	06		-	3.611.844
3 . Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.644.180.989	9.746.280.721
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(713.934.268)	5.489.645.357
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.1	(631.694.645)	(734.836.007)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.224.343.506)	(2.277.222.788)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(636.060.216)	350.235.300
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(3.611.844)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.593.799.644)	(1.757.560.124)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.511.684.488	24.273.442
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(558.451.725)	(825.145.152)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.797.581.473	10.012.058.905
II . Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 . Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.788.688.665)	(4.338.005.773)
2 . Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		413.636.364	-
3 . Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		341.944.638	313.617.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.033.107.663)	(4.024.388.452)
III . Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 . Tiền thu từ đi vay	33		-	928.760.000
2 . Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(928.760.000)
3 . Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.764.473.810	2.987.670.453
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.367.453.532	7.379.783.079
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	13.131.927.342	10.367.453.532

Tỉnh Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2018



LÊ VĂN THÔI
Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

LÊ VĂN ANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Xí nghiệp nước Long Khánh theo Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000501 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ nhất số 3600979223 ngày 23 tháng 3 năm 2011, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Văn Thới thay thế cho Ông Nguyễn Xuân Yên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai số 3600979223 ngày 29 tháng 5 năm 2013, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 3600979223 ngày 11 tháng 6 năm 2013, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 71/2011/GCNCP-VSD ngày 07 tháng 11 năm 2011 với số lượng cổ phiếu là 2.500.000 cổ phiếu tương ứng 25.000.000.000 VND với mã chứng khoán là LKW.

- **Vốn điều lệ** : 25.000.000.000 VND
- Số cổ phiếu : 2.500.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu
- Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công đoàn		25.000	250.000.000	1,00
	Đại diện bởi:				
	- Ông Nguyễn Văn Hoà	02 Bis CMT8, P. Xuân Bình, TX. Long Khánh, Đồng Nai	25.000	250.000.000	1,00
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai		1.275.000	12.750.000.000	51,00
	Đại diện bởi:				
	- Ông Nguyễn Văn Bình	48 đường CMT8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	350.000	3.500.000.000	14,00
	- Ông Lê Văn Thới	02 Bis CMT8, P. Xuân Bình, TX. Long Khánh, Đồng Nai	275.000	2.750.000.000	11,00

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
	- Ông Lê Văn Anh	02 Bis CMT8, P. Xuân Bình, TX. Long Khánh, Đồng Nai	250.000	2.500.000.000	10,00
	- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	48 đường CMT8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	25.000	250.000.000	1,00
	- Ông Nguyễn Quang Minh	02 Bis CMT8, P. Xuân Bình, TX. Long Khánh, Đồng Nai	250.000	2.500.000.000	10,00
	- Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	02 Bis CMT8, P. Xuân Bình, TX. Long Khánh, Đồng Nai	125.000	1.250.000.000	5,00
3	Vốn Cổ đông cá nhân		924.500	9.245.000.000	36,98
4	Nhà đầu tư chiến lược		245.000	2.450.000.000	9,80
5	Cổ đông người nước ngoài khác		30.500	305.000.000	1,22
	Cộng		2.500.000	25.000.000.000	100,00

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (084 – 0251) 3 877 241

Fax : (084 – 0251) 3 783 879

Mã số thuế : 3 6 0 0 9 7 9 2 2 3

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước. Tư vấn đầu thầu; Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc (Không sản xuất tại trụ sở); Lắp đặt hệ thống, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm. Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi; Thoát nước và xử lý nước thải: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật); Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 70 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 68 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là kỳ kế toán năm thứ mười của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;; các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị văn phòng	08
Tài sản khác	10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm máy tính, là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản là máy chủ trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà máy sản xuất nước tinh khiết do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong thời gian 25 năm. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy, thì nguyên giá của bất động sản đầu tư được ghi giảm tương ứng với tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Khi bất động sản đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí mua công cụ dụng cụ, chi phí in hóa đơn, chi phí sửa chữa, cải tạo và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng; các chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng làm việc, sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận tăng

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nguyên giá tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính 3 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCD,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Tiền mặt	21.748.659	71.363.066
Tiền mặt VND	21.748.659	71.363.066
Tiền gửi ngân hàng	4.310.178.683	3.121.601.545
Các khoản tương đương tiền	8.800.000.000	7.174.488.921
Cộng	<u>13.131.927.342</u>	<u>10.367.453.532</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân – chi nhánh Đồng Nai, ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư & Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 5,2% /năm (năm 2016: 4,3% - 4,9%/năm).

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

BQL Dự án Long Khánh	7.573.986	17.738.986
Công ty TNHH MTV Địa Ốc Cao Su Đồng Nai	1.620.984.677	19.894.770
Công ty Bình Sơn (MG Thanh An)	-	27.453.000
Công ty Cổ phần Du Lịch Giang Điền	250.000.000	450.000.000
Công ty CP Khu Công Nghiệp Long Khánh	73.117.018	74.754.945
TT Phát Triển Quỹ Đất Huyện Long Thành Liên Tỉnh Đồng Nai	-	436.877.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình - CT KCN Suối Tre	16.862.150	16.862.150
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình - CT Đường D1, D6, D3	-	44.951.100
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình - CT Tuyển ống Cấp Nước Đường D5, D3	44.988.250	-
Công trình Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	-	504.044.000
Công ty TNHH Lâm Trúc Ân	25.300.000	-
Khách hàng Sử Dụng Nước Máy	2.653.697.159	2.525.883.970
Khách hàng Lắp Đặt thay Vật Tư	92.028.164	39.068.962
Khách hàng Mua Nước Đông Chai	21.050.000	132.795.160
Cộng	<u>4.805.601.404</u>	<u>4.290.324.043</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Công ty TNHH Kiểm Toán Tư Vấn Đất Việt	-	19.250.000
Liên Hiệp Khoa Học SXDC & Công Nghệ Khoáng	-	94.220.154
Trung Tâm Kỹ Thuật Địa Chính Nhà Đất Tỉnh Đồng Nai	58.700.000	58.700.000
Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt	60.442.800	-
Công ty TNHH Kiểm Toán Tư Vấn Đất Việt	19.250.000	-
Trung tâm thẩm định và kiểm định tài nguyên nước	165.000.000	-
Khách hàng khác	-	5.112.908
Cộng	<u>303.392.800</u>	<u>177.283.062</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2017</u>		<u>31/12/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	29.611.111	-	15.093.067	-
Tạm ứng nhân viên	95.063.100	-	326.117.187	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	297.000.000	-	-	-
Cộng	<u>421.674.211</u>	<u>-</u>	<u>341.210.254</u>	<u>-</u>

5. Nợ xấu

	<u>31/12/2017</u>			<u>31/12/2016</u>		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-	27.453.000	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-	-	27.453.000	-	-
Công ty TNHH Bình Sơn	-	-	-	27.453.000	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>27.453.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, cung cấp dịch vụ,... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

6. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2017</u>		<u>31/12/2016</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	894.226.116	-	893.617.146	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.566.529.483	-	912.143.147	-
Thành phẩm	-	-	23.300.661	-
Cộng	<u>2.460.755.599</u>	<u>-</u>	<u>1.829.060.954</u>	<u>-</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2017	12.888.265.236	3.742.890.240	25.496.545.737	302.515.400	166.000.000	42.596.216.613
Tăng trong năm	1.117.688.505	137.380.000	4.254.649.259	112.681.818	-	5.622.399.582
Mua trong năm	-	137.380.000	-	112.681.818	-	250.061.818
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.117.688.505	-	4.254.649.259	-	-	5.372.337.764
Giảm trong năm	1.269.760.507	-	998.044.430	-	-	2.267.804.937
Chuyển sang bất động sản đầu tư	1.269.760.507	-	-	-	-	1.269.760.507
Thanh lý, nhượng bán	-	-	998.044.430	-	-	998.044.430
31/12/2017	12.736.193.234	3.880.270.240	28.753.150.566	415.197.218	166.000.000	45.950.811.258
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2017	4.510.808.212	2.140.360.916	11.053.112.845	239.467.063	95.449.996	18.039.199.032
Tăng trong năm	726.516.311	313.722.164	1.086.329.966	17.623.803	16.599.996	2.160.792.240
Khấu hao trong năm	726.516.311	313.722.164	1.086.329.966	17.623.803	16.599.996	2.160.792.240
Giảm trong năm	159.982.478	-	376.564.268	-	-	536.546.746
Chuyển sang bất động sản đầu tư	159.982.478	-	-	-	-	159.982.478
Thanh lý, nhượng bán	-	-	376.564.268	-	-	376.564.268
31/12/2017	5.077.342.045	2.454.083.080	11.762.878.543	257.090.866	112.049.992	19.663.444.526
Giá trị còn lại						
31/12/2016	8.377.457.024	1.602.529.324	14.443.432.892	63.048.337	70.550.004	24.557.017.581
31/12/2017	7.658.851.189	1.426.187.160	16.990.272.023	158.106.352	53.950.008	26.287.366.732

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

01/2018 12/2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

01/01/2017	1.603.115.706	564.365.039	717.722.692	189.695.400	-	3.074.898.837
31/12/2017	1.903.685.779	638.987.159	932.365.990	189.695.400	-	3.664.734.328

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2017
<i>Phần mềm máy tính</i>				
Nguyên giá	110.000.000	-	-	110.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	(31.166.671)	(11.000.004)	-	(42.166.675)
Giá trị còn lại	78.833.329	(11.000.004)	-	67.833.325

9. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2017
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	-	1.269.760.507	-	1.269.760.507
Nhà và quyền sử dụng đất	-	1.269.760.507	-	1.269.760.507
Giá trị hao mòn lũy kế	-	193.842.758	-	193.842.758
Nhà và quyền sử dụng đất	-	193.842.758	-	193.842.758
Giá trị còn lại	-	1.075.917.749	-	1.075.917.749
Nhà và quyền sử dụng đất	-	1.075.917.749	-	1.075.917.749

Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê thể hiện phần giá trị của Nhà máy lọc nước tinh khiết được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Giám đốc không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Công ty có ý định nắm giữ lâu dài cũng như không có cơ sở định giá hợp lý của bất động sản đầu tư này.

10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	31/12/2016
Xây dựng cơ bản dở dang	235.711.554	161.233.843
TOCN HDPE D110=363 m đường Lý Tự Trọng P Xuân Thanh	3.636.364	-
TOCN HDPE D110= 459m, D63=370 m đường Hoàng Văn Thụ P Xuân Thanh	3.636.364	-
TOCN HDPE D63=904 m đường Phan Đăng Lưu P Xuân Thanh	3.636.364	-
TOCN HDPE D110=457m; D63=361m hèm 50 đường Khổng Tử đường Nguyễn Trung Trực	3.636.364	-
TOCN HDPE HDPE D110=415m, D63=412m đường Chu Văn An P Xuân Bình	3.636.364	-
TOCN HDPE HDPE D63=568m đường Hà Huy Giáp p Xuân Thanh	3.636.364	-
TOCN HDPE HDPE D63= 700m đường Ngô Gia Tự P.Xuân Thanh	3.636.364	-
TOCN HDPE HDPE D63=680m đường Châu Văn Liêm P.Xuân Thanh	3.636.364	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

13/12/2017



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2017	31/12/2016
XDCB tuyến ống cấp nước HDPE D63 đường Huỳnh Văn Nghệ	-	4.000.000
Cải tạo TOCNHDPE D110 đường Duy Tân	19.033.260	-
Phát triển TOCN HDPE D110 đường Điều Xiển	159.183.023	-
Cải tạo TOCN HDPE D63=361m hèm 191 đường Nguyễn Văn Cừ	28.404.359	-
XDCB Giếng P.Xuân Trung	-	12.626.410
CT cải tạo tuyến ống dọc QL 56	-	114.031.415
XDCB Giếng KCN Suối Tre 1	-	11.342.762
XDCB Giếng KCN Suối Tre 2	-	11.233.256
XDCB Sửa sân, nhà để xe, văn phòng công ty	-	4.000.000
XDCB Trạm bơm giếng số 5	-	4.000.000
Cộng	235.711.554	161.233.843

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	31/12/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ	292.875.015	216.372.858
In hóa đơn tiền nước	29.166.665	47.174.996
Sửa chữa, cải tạo	365.469.959	-
Chi phí bồi thường đất	-	25.858.719
Chi phí khác	237.955.150	-
Cộng	925.466.789	289.406.573

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ Phần Cấp nước Đồng Nai	2.599.065.594	2.599.065.594	68.956.584	68.956.584
Công ty TNHH MTV Đạt Thành Nguyên	21.679.000	21.679.000	7.614.000	7.614.000
Công ty TNHH MTV Khánh Đông Nam	-	-	344.498	344.498
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Minh Hoà	2.915.550	2.915.550	-	-
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	657.676.140	657.676.140	59.779.500	59.779.500
Công ty TNHH Thanh Sơn Tính	90.569.771	90.569.771	39.837.665	39.837.665
Công ty TNHH Hoàng Thịnh	13.500.000	13.500.000	-	-
Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Hồ Hoàng	650.182.900	650.182.900	127.829.000	127.829.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Tâm Lộc Phát	25.724.600	25.724.600	25.724.600	25.724.600
Công ty TNHH MTV Cường Cường Thuận	-	-	78.151.000	78.151.000
Công ty TNHH Phùng Hữu	-	-	34.814.264	34.814.264
Trung Tâm Tư Vấn Công Nghiệp Đồng Nai	2.200.000	2.200.000	-	-
Cộng	4.063.513.555	4.063.513.555	443.051.111	443.051.111
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>				
Công ty Cổ Phần Cấp nước Đồng Nai	2.599.065.594		68.956.584	
Cộng	2.599.065.594		68.956.584	

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	31/12/2016
BQL Dự án Long Khánh - Đường Huỳnh Văn Nghệ	-	263.914.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	771.427.200	-
Cộng	771.427.200	263.914.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2017
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	182.122.940	1.059.423.161	577.526.398	664.019.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	453.799.644	1.754.279.442	1.593.799.644	614.279.442
Thuế thu nhập cá nhân	58.629.873	331.277.278	358.898.185	31.008.966
Thuế tài nguyên	147.600.780	1.812.719.109	1.815.633.257	144.686.632
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	64.204.726	852.208.523	847.467.339	68.945.910
Cộng	906.357.963	5.812.907.513	5.196.324.823	1.522.940.653

15. Phải trả ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	2.633.104	-
Bảo hiểm xã hội	-	9.861.882
Bảo hiểm y tế	-	4.367.217
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.526.821
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	43.600.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Đặt cọc vỏ bình nước</i>	-	3.600.000
<i>Đặt cọc sử dụng nước máy</i>	20.000.000	40.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	108.543.989	81.552.584
<i>Cổ tức phải trả cho cổ đông</i>	12.350.000	12.777.500
<i>Phi bảo vệ môi trường</i>	7.660.657	7.133.859
<i>Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Đồng Nai</i>	87.081.332	61.178.400
<i>Thu tiền nước dư</i>	1.452.000	462.825
Cộng	131.177.093	140.908.504

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01/01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong kỳ/năm	Tại ngày 31/12
2016				
Quỹ khen thưởng	30.402.679	275.048.384	371.649.700	(66.198.637)
Quỹ phúc lợi	(122.567.049)	279.370.284	31.780.000	125.023.235
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-	269.986.384	-	269.986.384
Cộng	(92.164.370)	824.405.052	403.429.700	328.810.982
2017				
Quỹ khen thưởng	(66.198.637)	322.709.929	23.300.000	233.211.292
Quỹ phúc lợi	125.023.235	322.709.929	311.151.725	136.581.439
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	269.986.384	322.709.929	224.000.000	368.696.313
Cộng	328.810.982	968.129.787	558.451.725	738.489.044

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2016	25.000.000.000	85.464.672	4.650.466.299	5.500.967.685	35.236.898.656
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.454.198.574	6.454.198.574
Trích lập các quỹ	-	-	1.675.822.533	(1.675.822.533)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(825.145.152)	(825.145.152)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
31/12/2016	25.000.000.000	85.464.672	6.326.288.832	6.454.198.574	37.865.952.078
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) trong kỳ này	-	-	-	6.853.719.651	6.853.719.651
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.486.068.787	(2.486.068.787)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(968.129.787)	(968.129.787)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
31/12/2017	25.000.000.000	85.464.672	8.812.357.619	6.853.719.651	40.751.541.942

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600979223 ngày 11 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên thành viên	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ ba ngày 11/6/2013		Thực góp 31/12/2017	31/12/2016
	VND	%	VND	VND
Vốn Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	12.750.000.000	51,00%	12.750.000.000	12.750.000.000
Vốn Cổ đông Công đoàn	250.000.000	1,00%	250.000.000	250.000.000
Vốn người lao động	803.000.000	3,21%	-	-
Nhà đầu tư chiến lược	2.450.000.000	9,80%	2.450.000.000	2.450.000.000
Vốn Cổ đông khác	8.747.000.000	34,99%	9.245.000.000	9.259.000.000
Vốn cổ đông người nước ngoài khác	-	-	305.000.000	291.000.000
Cộng	25.000.000.000	100,00%	25.000.000.000	25.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 số 21/NQ-DHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 như sau:

	2017	2016
Chia cổ tức cho các cổ đông	3.000.000.000	3.000.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.486.068.787	1.675.822.533
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	968.129.787	825.145.152
Cộng	6.454.198.574	5.500.967.685

Trong đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bổ sung từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền 968.129.787 VND và tạm trích lập cho năm 2017 với số tiền 1.000.350.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Năm 2017	Năm 2016
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán nước máy	28.172.349.250	26.186.942.800
Doanh thu bán nước đóng chai	374.649.263	958.956.606
Doanh thu lắp đặt, sửa chữa và thi công công trình	14.889.276.270	6.207.745.893
Doanh thu bán vật liệu liên quan ngành nước	157.487.265	-
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	184.000.000	-
Cộng	43.777.762.048	33.353.645.299
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	8.017.927.602	3.778.500.139
Cộng	8.017.927.602	3.778.500.139
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	489.960	3.330.157
Cộng	489.960	3.330.157
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cung cấp nước máy	9.943.446.884	9.170.763.225
Giá vốn cung cấp nước đóng chai	342.449.840	937.351.467
Giá vốn lắp đặt, sửa chữa	13.480.083.768	-
Giá vốn bán vật liệu ngành nước	157.487.265	-
Giá vốn cho thuê tài sản	150.076.559	5.486.434.925
Cộng	24.073.544.316	15.594.549.617
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	349.861.426	295.954.496
Lãi bán các khoản đầu tư	6.601.256	20.777.781
Cộng	356.462.682	316.732.277

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm 2017	Năm 2016
5. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	-	3.611.844
Cộng	-	3.611.844
6. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	1.988.412.848	1.932.742.367
Chi phí vật liệu, bao bì	1.127.445.683	989.535.306
Chi phí dụng cụ đồ dùng	172.330.896	154.276.276
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.964.723	20.443.416
Thuế, phí và lệ phí	12.269.020	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.392.450	8.322.727
Chi phí bằng tiền khác	105.987.812	62.321.287
Cộng	3.444.803.432	3.167.641.379
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	4.010.534.622	3.768.252.284
Chi phí vật liệu quản lý	30.159.174	23.583.441
Chi phí đồ dùng văn phòng	162.118.454	166.042.557
Chi phí khấu hao TSCĐ	296.740.007	311.272.942
Thuế, phí và lệ phí	1.786.760.834	1.258.150.191
Chi phí dự phòng	3.705.621	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	197.724.576	230.345.053
Chi phí bằng tiền khác	1.324.452.249	1.042.362.488
Cộng	7.812.195.537	6.800.008.956
8. Lợi nhuận (lỗ) khác		
Thu nhập khác	168.471.234	3.016.811
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	-
Thu từ duy tu bảo dưỡng trụ cứu hỏa	155.399.644	-
Thu tiền điện cho thuê BĐS	11.665.830	-
Xử lý chênh lệch công nợ	1.405.760	3.016.811
Chi phí khác	363.663.626	2.254.216
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	207.843.798	-
Xuất vật tư bảo hành	1.074.000	1.108.000
Chi phí bảo dưỡng trụ cứu hỏa	135.346.908	-
Phạt chậm nộp thuế	19.398.120	1.000.000
Xử lý công nợ	800	146.216
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(195.192.392)	762.595

23
N
N
V
I
F

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2017	2016
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	8.607.999.093	8.101.998.218
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	163.398.120	137.000.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	163.398.120	137.000.000
<i>Chi phí phạt nộp chậm</i>	19.398.120	1.000.000
<i>Thù lao HĐQT không tham gia hoạt động SXKD</i>	144.000.000	136.000.000
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	8.771.397.213	8.238.998.218
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.754.279.442	1.647.799.644
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.754.279.442	1.647.799.644

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

10. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017	2016
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.853.719.651	6.454.198.574
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.028.057.948	968.129.787
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.825.661.703	5.486.068.787
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.330	2.194

b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	2017	2016
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.853.719.651	6.454.198.574
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.028.057.948	968.129.787
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.825.661.703	5.486.068.787
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	2017	2016
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	<u>5.825.661.703</u>	<u>5.486.068.787</u>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	<u>2.500.000</u>	<u>2.500.000</u>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.330</u>	<u>2.194</u>
11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.973.808.614	6.479.718.431
Chi phí nhân công	11.453.914.415	11.672.761.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.205.652.524	1.957.402.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.945.280.154	3.121.266.111
Chi phí khác bằng tiền	3.677.653.513	2.978.158.175
Cộng	<u>36.256.309.220</u>	<u>26.209.307.629</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
	<u>2017</u>	<u>2016</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	29.611.111	15.093.067
2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm nay	15.093.067	11.978.111

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	2017	2016
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	-	-
Xây lắp công trình	8.017.927.602	3.778.500.139
Sử dụng dịch vụ	53.877.000	-
Mua vật tư ngành nước	2.246.222.100	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
<i>Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai</i>		
Phải thu	1.620.984.677	-
Phải trả	2.599.065.594	68.956.584

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	2017	2016
Tiền thưởng, phụ cấp	2194.862.200	2.025.788.900

2. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.131.927.342	13.131.927.342	10.367.453.532	10.367.453.532
Phải thu của khách hàng	4.805.601.404	4.805.601.404	4.290.324.043	4.262.871.043
Phải thu khác	326.611.111	326.611.111	15.093.067	15.093.067
Cộng	18.264.139.857	18.264.139.857	14.672.870.642	14.645.417.642
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	4.063.513.555	4.063.513.555	443.051.111	443.051.111
Phải trả khác	116.193.989	116.193.989	112.375.084	112.375.084
Cộng	4.179.707.544	4.179.707.544	555.426.195	555.426.195

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung ở lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng,...).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công cụ nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.131.927.342	-	-	13.131.927.342
Phải thu của khách hàng	4.805.601.404	-	-	4.805.601.404
Phải thu khác	326.611.111	-	-	326.611.111
Cộng	18.264.139.857	-	-	18.264.139.857
Phải trả cho người bán	4.063.513.555	-	-	4.063.513.555
Phải trả khác	116.193.989	-	-	116.193.989
Cộng	4.179.707.544	-	-	4.179.707.544
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.084.432.313	-	-	14.084.432.313
31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.367.453.532	-	-	10.367.453.532
Chứng khoán kinh doanh	4.262.871.043	-	-	4.262.871.043
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.093.067	-	-	15.093.067
Cộng	14.645.417.642	-	-	14.645.417.642
Phải trả cho người bán	443.051.111	-	-	443.051.111
Phải trả khác	112.375.084	-	-	112.375.084
Cộng	555.426.195	-	-	555.426.195
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.089.991.447	-	-	14.089.991.447

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Tỉnh Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2018



LÊ VĂN THỚI
Giám đốc

LÊ VĂN ANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Người lập biểu



Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



LÊ VĂN THỜI